# PHỤ LỤC CHI TIẾT DIỆN TÍCH 271,565 HA CAO SU THANH LÝ ĐỂ TÁI CANH NĂM 2024

S.Đ.K.H.D: 02 C.T.H.D
CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH BẮC TRUNG NAM
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

| STT | Nông trường | Tên lô | Năm trồng | Diện tích (ha) | Mô hình |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **PleiKan** | | | **21,730** | |
| 1 | PleiKan | 35A | 1996 | 14,000 | HNK |
| 2 | PleiKan | 35B | 1996 | | HNK |
| 3 | PleiKan | 35C | 1996 | | HNK |
| 4 | PleiKan | 37A | 1996 | 7,730 | CN |
| 5 | PleiKan | 37B | 1996 | | HNK |
| 6 | PleiKan | 37C | 1996 | | HNK |
| **II** | **Tân Hưng** | | | **90,740** | |
| 1 | Tân Hưng | 41 A | 1997 | 21,230 | CN |
| 2 | Tân Hưng | 41B | 1996 | 30,290 | CN |
| 3 | Tân Hưng | 65 A | 2000 | 19,450 | CN |
| 4 | Tân Hưng | 65 B | 2001 | 19,770 | CN |
| **IV** | **Thanh Trung** | | | **71,590** | |
| 1 | Thanh Trung | 5 | 1997 | 1,270 | HNK |
| 2 | Thanh Trung | 5 | 1997 | 4,080 | CN |
| 3 | Thanh Trung | 6 | 1997 | 9,440 | HNK |
| 4 | Thanh Trung | 6 | 1997 | 3,190 | CN |
| 5 | Thanh Trung | 7 | 1997 | 4,680 | HNK |
| 6 | Thanh Trung | 7 | 1997 | 3,500 | CN |
| 7 | Thanh Trung | 23 | 1999 | 12,040 | HNK |
| 8 | Thanh Trung | 23 | 1999 | 5,700 | CN |
| 9 | Thanh Trung | 24 | 1999 | 5,370 | HNK |
| 10 | Thanh Trung | 24 | 1999 | 22,320 | CN |
| **V** | **Tân Cảnh** | | | **87,505** | |
| 1 | Tân Cảnh | 52 | 2000 | 23,400 | CN+HNK |
| 2 | Tân Cảnh | 53 | 2000 | 12,520 | CN+HNK |

| STT | Nông trường | Tên lô | Năm trồng | Diện tích (ha) | Mô hình |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Tân Cảnh | 54 | 2000 | 13,131 | CN+HNK |
| 4 | Tân Cảnh | 55 | 2000 | 19,074 | CN+HNK |
| 5 | Tân Cảnh | 52B | 2003 | 5,440 | CN+HNK |
| 6 | Tân Cảnh | 53X | 2001 | 13,940 | CN+HNK |
| **Tổng cộng** | | | | **271,565** | - |